TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Quang Toản.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lý Hồng L, sinh ngày 01/01/1985 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng).

Nơi cư trú: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lý Hồng L trình bày: Bà và ông Huỳnh Minh T tổ chức lễ cưới rồi về sống chung với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung tên Huỳnh Minh T1, sinh ngày 28/10/2004 và Huỳnh Lý Thùy D, sinh ngày 03/5/2011. Bà và ông T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân ngày một mất dần đi hạnh phúc và đã sống ly thân đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Minh T.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung Huỳnh Lý Thùy D, sinh ngày 03/5/2011 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Đối với con chung con chung Huỳnh Minh T1 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Huỳnh Minh T vắng mặt, quá trình giải quyết có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và trình bày ý kiến: Về quan hệ hôn nhân không có ý kiến, về con chung thì yêu cầu xem xét ý kiến của con sống với cha hoặc mẹ thì cha hoặc mẹ nuôi, không cấp dưỡng và con sống với ai thì người đó lo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được triệu tập và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về nội dung thì thấy bà L khởi kiện ly hôn, ông T biết và không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông T. Đối với con chung Huỳnh Lý Thùy D có nguyện vọng sống với mẹ, ông Huỳnh Minh T đề nghị xem xét theo nguyện vọng của con và bà L yêu cầu nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu D cho bà L nuôi dưỡng. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng không xem xét. Về án phí bà L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã P, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông Huỳnh Minh T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 29/8/2006 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà L và ông Huỳnh Minh T đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Ông Huỳnh Minh T đã được thông báo về việc bà L khởi kiện ly hôn và không có ý kiến hòa giải, cho thấy hôn nhân của bà L và ông T đã trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy, theo

quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông Huỳnh Minh T.

[3] Về con chung: Bà L và ông Huỳnh Minh T có hai người con chung là Huỳnh Minh T1, sinh ngày 28/10/2004 và Huỳnh Lý Thùy D, sinh ngày 03/5/2011 đang sống với bà L. Xét bà L yêu cầu nuôi con chung Huỳnh Lý Thùy D và cháu D có nguyện vọng sống với mẹ, ông T đề nghị xem xét việc nuôi con trên cơ sở nguyên vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu D cho bà L nuôi dưỡng. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Đối với con chung Huỳnh Minh T1 đã trưởng thành, bà L và ông T không có yêu cầu nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Bà L là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lý Hồng L được ly hôn với ông Huỳnh Minh T.

2. Về con chung: Giao cho bà L1 Hồng Lanh được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Lý Thùy D, sinh ngày 03/5/2011 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Huỳnh Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Lý Hồng L phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008198 ngày 04/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà L đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai